TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2020/HNGĐ – ST
Ngày: 20/8/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 336/2020/TLST – HNGĐ ngày 11/6/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2020/QĐST – HNGĐ ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khúc Thị K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 107/6, khóm Đ7, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

(bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 09/6/2020 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Khúc Thị K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Q tự tìm hiểu yêu thương sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M vào ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 và bà K đã về T, huyện P sinh sống đến nay. Bà K nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về quan hệ con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/12/2011, sau khi ly hôn bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Q không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 02 tháng 7 năm 2020, do điều kiện đi lại khó khăn nên xin vắng mặt khi tòa xét xử. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến: Theo bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Khúc Thị K và ông Nguyễn Văn Q là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Khúc Thị Hồng K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do điều kiện đi lại khó khăn nên xin vắng mặt khi tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Nguyễn Văn Q và được Công an phường P, thành phố X cung cấp thông tin: "Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 107/6, khóm Đ7, phường P, thành phố X, tỉnh An

Giang". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Q tự tìm hiểu yêu thương sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M vào ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 và bà K đã về xã T, huyện P sinh sống đến nay. Bà K nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú. Tuy nhiên, ông Qu vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà K và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà Khanh và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà K ông Q có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà K vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, bà K đã về xã T sinh sống nhưng ông Q cũng chưa lần nào đến thăm nom, chăm sóc con chung cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà K dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà K và ông Q không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà K được ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Bà Khanh trình bày, bà và ông Quang có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/12/2011. Lời khai của bà K phù hợp với bản sao trích lục khai sinh do Ủy ban nhân xã B cấp ngày 08/02/2017. Xét thấy, thời gian qua cháu Y được bà K trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu cũng muốn được tiếp tục sống với mẹ, ông Q cũng không có kiến trình bày đối với yêu cầu về con chung, Do đó để ổn định cuộc sống của cháu Y Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà K không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà K và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Q được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà K trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông Q cũng không có ý kiến về việc

phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*:** Bà Khúc Thị K phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị K. Bà Khúc Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung:. Giao cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/12/2011 cho bà K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà K cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Q thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà K phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà Khanh đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003134 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Khúc Thị K và ông Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND xã Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ./.

Nguyễn Thị Đức Anh